Phụ lục

Tình hình giải ngân kế hoạch vốn 2026 - chi tiết theo chủ đầu tư

(Kèm theo Công văn số 7010/STC-KHĐT ngày 21 tháng 7 năm 2026)

STT	Đơn vị	Giải ngân đến 21/7/2026 (đến 16 giờ)		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN	**9.421.919**	32,85%	18.861	0,07%
	TTg Giao đầu năm	**9.421.919**	34,51%	18.861	0,07%
	HĐND tỉnh giao	**9.421.919**	33,97%	18.861	0,07%
I	***Cấp tỉnh***	***5.213.693***	***28,34%***	***8.361***	***0,05%***
1	Ngân hàng chính sách	500.000	100,00%	-	0,00%
2	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	17.888	51,11%	-	0,00%
3	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	14.288	47,63%	-	0,00%
4	Trung tâm nước sạch và VSMT NT	14.274	45,60%	-	0,00%
5	Công an tỉnh	16.354	44,80%	-	0,00%
6	Sở Xây dựng	2.228.237	36,47%	985	0,02%
7	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	667.251	23,75%	465	0,02%
8	Vườn Quốc Gia Phú Quốc	9.209	23,72%	-	0,00%
9	Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT	454.699	20,71%	-	0,00%
10	Ban Quản lý dự án tỉnh an giang	1.249.729	20,64%	6.911	0,11%
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	8.376	14,96%	-	0,00%
12	Ban Quản lý Khu kinh tế	250	14,49%	-	0,00%
13	Sở Y tế	16.374	9,25%	-	0,00%
14	Sở Khoa học công nghệ	14.765	5,66%	-	0,00%
15	Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	54	0,17%	-	0,00%
16	Ban Quản lý rừng An Giang - Khu vực I		0,00%		
II	***Cấp xã phường Đặc khu***	***4.208.226***	***45,05%***	***10.500***	***0,11%***
1	UBND xã Đông Thái	15.802	100,00%	-	0,00%
2	UBND xã Hòa Hưng	13.623	87,89%	67	0,43%
3	UBND xã Ngọc Chúc	12.851	82,94%	-	0,00%
4	UBND xã Giồng Riềng	11.890	72,80%		0,00%
5	UBND xã Vĩnh Thuận	10.854	71,51%	-	0,00%
6	UBND Đặc khu Kiên Hải	10.880	68,46%	-	0,00%
7	UBND xã Long Thạnh	10.336	67,22%	-	0,00%
8	UBND xã Hòa Thuận	9.893	64,60%	44	0,29%
9	UBND xã Kiên Lương	12.186	63,59%	-	0,00%
10	UBND xã Ba Chúc	10.640	62,29%	-	0,00%
11	UBND xã Vĩnh Hòa	9.625	60,79%	-	0,00%
12	UBND xã Vĩnh Hậu	9.224	57,29%	-	0,00%
13	UBND phường Rạch Giá	140.228	56,20%	-	0,00%
14	UBND xã An Minh	9.308	54,11%	-	0,00%
15	UBND xã Sơn Kiên	8.109	52,89%	254	1,66%
16	UBND xã An Phú	8.825	52,63%	-	0,00%
17	UBND xã Vĩnh Phong	8.724	52,62%	-	0,00%
18	UBND phường Vĩnh Thông	90.627	52,32%	-	0,00%
19	UBND xã Ô Lâm	8.281	51,15%	-	0,00%
20	UBND Phường Chi Lăng	8.719	51,04%	77	0,45%
21	UBND xã Bình Sơn	7.701	51,00%	-	0,00%
22	UBND xã Vĩnh Tuy	7.707	50,05%	-	0,00%
23	UBND xã Vĩnh Xương	8.864	48,89%	-	0,00%
24	UBND đặc khu Phú Quốc	3.289.145	48,80%	61	0,00%
25	UBND Phường Long Phú	8.789	48,49%	77	0,43%
26	UBND xã Thạnh Đông	7.522	48,33%	30	0,19%
27	UBND xã Phú Hòa	9.721	46,69%	-	0,00%
28	UBND xã An Biên	7.846	46,17%	-	0,00%
29	UBND xã Vĩnh Bình	7.587	46,10%	-	0,00%
30	UBND xã Tân Thạnh	7.038	46,09%	-	0,00%
31	UBND xã Thạnh Hưng	7.114	45,81%	-	0,00%
32	UBND xã Vĩnh Gia	7.571	45,75%	-	0,00%

STT	Đơn vị	Giải ngân đến 21/7/2026 (đến 16 giờ)		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
33	UBND xã Định Hòa	6.960	44,51%	-	0,00%
34	UBND Phường Thới Sơn	7.853	44,42%	-	0,00%
35	UBND xã Hòn Đất	7.136	43,48%	-	0,00%
36	UBND Phường Tịnh Biên	7.257	43,24%	-	0,00%
37	UBND xã Tây Phú	7.581	43,07%	-	0,00%
38	UBND xã Gò Quao	6.882	42,43%	-	0,00%
39	UBND Phường Tân Châu	8.180	41,37%	99	0,50%
40	UBND xã Vĩnh Điều	6.164	40,53%	-	0,00%
41	UBND xã Tân Hội	6.163	39,94%	-	0,00%
42	UBND xã Khánh Bình	7.497	39,07%	84	0,44%
43	UBND xã Thạnh Lộc	9.962	38,59%	4.219	16,34%
44	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	6.015	38,44%	-	0,00%
45	UBND xã Vĩnh Trạch	6.896	37,92%	-	0,00%
46	UBND xã Mỹ Thuận	6.480	37,86%	-	0,00%
47	UBND xã Châu Phong	6.458	37,79%	-	0,00%
48	UBND xã An Cư	6.423	37,60%	44	0,25%
49	UBND xã Tây Yên	5.806	37,09%		0,00%
50	UBND xã Đông Hưng	5.570	36,99%	-	0,00%
51	UBND Phường Châu Đốc	9.747	36,95%	-	0,00%
52	UBND xã Tri Tôn	6.312	36,95%	-	0,00%
53	UBND xã Phú Hữu	5.801	36,66%	-	0,00%
54	UBND xã Vĩnh An	6.326	36,20%	390	2,23%
55	UBND xã Đông Hòa	5.358	34,29%	-	0,00%
56	UBND xã Cô Tô	5.900	33,95%	-	0,00%
57	UBND xã Giang Thành	5.175	33,70%	-	0,00%
58	UBND xã Nhơn Hội	5.240	32,72%	-	0,00%
59	UBND xã An Châu	6.408	31,34%	-	0,00%
60	UBND xã Long Điền	4.837	29,33%	-	0,00%
61	UBND xã Long Kiến	4.633	29,15%	15	0,10%
62	UBND Phường Hà Tiên	82.164	27,40%		0,04%
63	UBND xã Bình Thạnh Đông	4.299	27,05%	-	0,00%
64	UBND xã Vân Khánh	3.857	25,61%	490	3,25%
65	UBND xã Hòa Lạc	4.061	25,46%	651	4,08%
66	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	3.842	25,28%	-	0,00%
67	UBND xã Núi Cấm	4.006	24,65%	-	0,00%
68	UBND Xã Mỹ Hòa Hưng	3.780	24,20%	-	0,00%
69	UBND xã Phú An	3.734	23,76%	391	2,49%
70	UBND xã Nhơn Mỹ	3.640	22,91%	-	0,00%
71	UBND xã Bình An	6.611	22,81%	-	0,00%
72	UBND xã Sơn Hải	3.324	22,16%	-	0,00%
73	UBND xã Thoại Sơn	4.014	21,68%	-	0,00%
74	UBND xã Cần Đăng	3.632	21,17%	1.895	11,04%
75	UBND xã Hội An	3.641	20,60%	-	0,00%
76	UBND xã U Minh Thượng	3.077	19,14%	-	0,00%
77	UBND xã Bình Mỹ	2.675	17,66%	-	0,00%
78	UBND Phường Long Xuyên	11.997	16,86%	337	0,47%
79	UBND Phường Tô Châu	22.263	16,71%	995	0,75%
80	UBND xã Phú Lâm	2.456	15,63%	-	0,00%
81	UBND xã Tân An	2.754	15,57%	-	0,00%
82	UBND xã Châu Thành	5.810	15,05%	(0)	0,00%
83	UBND xã Bình Giang	2.134	14,19%	-	0,00%
84	UBND xã Phú Tân	2.779	13,26%	-	0,00%
85	UBND xã Tân Hiệp	2.383	12,77%	-	0,00%
86	UBND Phường Mỹ Thới	3.164	12,51%	-	0,00%
87	UBND xã Cù Lao Giêng	2.056	12,43%	-	0,00%
88	UBND Phường Vĩnh Tế	2.041	12,38%	40	0,24%
89	UBND xã Chợ Vàm	2.016	11,92%	-	0,00%
90	UBND xã Châu Phú	1.900	11,82%	-	0,00%
91	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	1.861	11,71%	-	0,00%
92	UBND xã Hòa Điền	2.348	11,68%	118	0,59%
93	UBND xã Vĩnh Hanh	1.624	9,38%	-	0,00%
94	UBND xã Bình Hòa	1.746	9,31%		0,00%
95	UBND Phường Bình Đức	2.702	8,93%	-	0,00%
96	UBND xã Định Mỹ	1.662	8,43%	-	0,00%
97	UBND xã Óc Eo	1.386	7,41%	-	0,00%
98	UBND xã Mỹ Đức	955	6,24%	-	0,00%
99	UBND xã Hòn Nghệ	602	4,02%	-	0,00%

STT	Đơn vị	Giải ngân đến 21/7/2026 (đến 16 giờ)		Chênh lệch	
		Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
100	UBND xã Tiên Hải	560	3,67%	-	0,00%
101	UBND xã Chợ Mới	420	2,23%	-	0,00%
102	UBND Đặc khu Thổ Châu	-	0,00%	-	0,00%
III	**Danh mục khác**				
1	5% theo khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2691/QĐ-TTg				
B	**Giao bổ sung**				
1	Vốn bố trí theo QĐ 400/QĐ-TTg				